

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LÊ CHÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 22 - 5 - 2018

“V/v tranh chấp về ly hôn,
nuôi con và chia tài sản khi ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Kim Liên

Ông Nguyễn Văn Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Linh - Thư ký Tòa án nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hồng Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận Lê Chân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2018/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp về ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2018/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 198X, đăng ký hộ khẩu thường trú: phường K, Quận L, Hải Phòng; chỗ ở: Thôn Đ, xã X, huyện Đ, Hà Nội; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Việt P, sinh năm 198Y, đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: phường K, Quận L, Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/12/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng N trình bày: Chị và anh Nguyễn Việt P xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Kênh Dương, Quận Lê Chân, Hải Phòng cấp ngày 12 tháng 3 năm 2009; đến nay có 01 con chung là Nguyễn Việt P1, sinh ngày 22/8/2008. Quá trình chung sống vợ

chồng hạnh phúc đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng nhau về quan điểm sống, lối sống, tính cách; hai bên không tin tưởng nhau về mặt tình cảm. Từ đó tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, xa cách, không còn tiếng nói chung. Gia đình hai bên đã động viên, khuyên giải và vợ chồng cũng đã cố gắng hàn gắn những rạn nứt nhưng không có kết quả. Từ tháng 02 năm 2017 chị N đã về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai về mọi mặt. Nay chị N xác nhận mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh P. Về con chung: Chị N xin được nuôi con đến khi thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Chị N đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 05/02/2018, ngày 20/3/2018; các buổi hoà giải vào ngày 23/3/2018, ngày 06/4/2018 và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Việt P trình bày: Về quá trình kết hôn, có con chung như chị N trình bày là đúng. Theo anh, quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến tháng 02 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng nhau về quan điểm sống, lối sống, tính cách, vợ chồng không tin tưởng nhau về mặt tình cảm. Từ đó, cuộc sống luôn trong tình trạng căng thẳng, nặng nề; tình cảm vợ chồng xa cách, lạnh nhạt, không quan tâm đến nhau về mọi mặt. Tháng 02 năm 2017 chị N đã chuyển đi nơi khác để ở và vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi từ đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân thì chị N đã có thai với người đàn ông khác nên mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng hơn, không thể hóa giải được. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị N xin ly hôn thì anh đồng ý. Về con chung: Anh P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chị N và anh P xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Kênh Dương, Quận Lê Chân, Hải Phòng vào năm 2009 và có 01 con chung. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ tháng 02 năm 2017 đến nay.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị N được ly hôn anh P; về con chung: Giao con chung là Nguyễn Việt

P1, sinh ngày 22/8/2008 cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận; về tài sản chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng N khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Việt P. Đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Nguyễn Việt P kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Giấy chứng nhận kết hôn số 108 do Ủy ban nhân dân phường Kênh Dương, Quận Lê Chân, Hải Phòng cấp ngày 12 tháng 3 năm 2009 nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng nhau về quan điểm sống, lối sống, tính cách, hai bên đều không tin tưởng nhau về mặt tình cảm và đã sống ly thân mỗi người một nơi từ tháng 02 năm 2017 đến nay dù đã được hai bên đã động viên, khuyên giải. Tiến hành thu thập chứng cứ xác minh về thực trạng hôn nhân giữa chị N và anh P tại nơi cư trú và gia đình cho thấy: Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng vào năm 2017 do quan điểm sống, lối sống khác biệt, vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, xô xát; hơn nữa chị N có quan hệ bất chính với người đàn ông khác và vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi. Do vậy, việc chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh P là có cơ sở nên cần chấp nhận.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh P đã thực sự trầm trọng; cuộc sống chung không thể kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị Hồng N được ly hôn anh Nguyễn Việt P là phù hợp.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Việt P1, sinh ngày 22/8/2008. Ly hôn, chị N và anh P đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi chị N và anh P sống ly thân mỗi người một nơi thì cháu P1 ở với anh P được anh P trực tiếp nuôi dưỡng, hiện đang có cuộc sống ổn định; đại diện hai bên gia đình đều đề nghị giao con cho anh P nuôi dưỡng; hơn nữa, cháu P1 cũng có nguyện vọng muốn được ở với bố. Xét nguyện vọng của anh P xin được trực tiếp nuôi con chung là phù hợp với điều kiện, hành

cảnh thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận với nhau, không yêu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Nguyễn Việt P.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Việt P1, sinh ngày 22/8/2008 cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Số tiền này chị N đã nộp đủ tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận Lê Chân theo biên lai thu tiền số 0004963 ngày 19 tháng 01 năm 2018.

Về quyền kháng cáo: Chị N và anh P được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Về quyền thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố;
- VKSND quận, TP Hải Phòng;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận;
- Các bên đương sự;
- UBND Phường Kênh Dương, Lê Chân, HP;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thu Hương